

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày 02 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Bùi Thị Bích Liên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn, Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Văn Nuôi, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Huy C, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 606 đường H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Khi phạm tội là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng V; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn A, sinh năm 1944 và con bà Phạm Thị C, sinh năm 1947; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 và có hai con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Cục T tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn N; chức vụ: Cục trưởng Cục T tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc L, chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra – Cục T tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH xây dựng V (viết tắt là Công ty V) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký do Sở K và Đ tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/3/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/4/2008. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty V là: Xây dựng công trình dân dụng đến cấp II, xây dựng các công trình điện, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi... Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ khi thành lập cho đến nay là Đỗ Huy C chức vụ Giám đốc. Công ty V kê khai và nộp thuế tại Cục T tỉnh Vĩnh Phúc theo phương pháp khấu trừ.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, trong các năm 2011, 2012, Công ty V nhận thầu thi công 03 công trình, gồm: Công trình trường trung học cơ sở (THCS) T do Ủy ban nhân dân (UBND) xã T làm chủ đầu tư; Công trình hồ Đ do UBND xã L làm chủ đầu tư và Công trình hồ Đ do UBND xã Đ làm chủ đầu tư.

Khi triển khai thi công 03 công trình nêu trên, Đỗ Huy C trực tiếp giao dịch mua cát, đá, gỗ; thuê xe ô tô, máy công trình của một số cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc không có hóa đơn chứng từ để thi công công trình. Với mục đích hợp thức cho sổ hàng hóa, dịch vụ đã mua không có hóa đơn chứng từ nêu trên, cuối năm 2011 Cận nhờ vợ là Nguyễn Thị T đi tìm liên hệ mua hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT). Do có quen biết từ trước nên Nguyễn Thị T nhờ Đỗ Thu H, sinh năm 1988 ở khu phố 2, phường T, thành phố V giới thiệu cho T1 liên hệ với một người phụ nữ để T1 đặt vấn đề mua hóa đơn. Người phụ nữ này khoảng ngoài 30 tuổi, tự giới thiệu mình tên là H nhà ở Vĩnh Yên làm việc tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại HL VP (viết tắt là Công ty HL VP); địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. H đồng ý bán hóa đơn của Công ty HL VP cho Công ty V với giá bán thỏa thuận là 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau đó, T1 và H trao đổi các thông tin như tên Công ty, mã số thuế, địa chỉ, số tài khoản, số tiền để thực hiện việc mua bán hóa đơn. Tiếp đó, H liên hệ với Nguyễn Hữu T2 - Giám đốc Công ty HL VP để mua hóa đơn cho Công ty V với giá 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, T2 đồng ý và thỏa thuận với H sau khi hoàn thành việc mua bán hóa đơn sẽ cho H 5.000.000đ. Căn cứ vào các thông tin do T1 cung cấp, H soạn thảo hợp đồng kinh tế không, biên bản thanh lý hợp đồng không rồi đưa cho T2 để T2 ký và xuất hóa đơn. T2 ký đóng dấu vào hợp đồng không; biên bản thanh lý hợp đồng không do H đưa rồi nhờ vợ T2 là Nguyễn Lệ T3 viết hóa đơn GTGT để bán cho Công ty V. Sau đó, T2 giao lại cho H các hóa đơn ghi không hàng hóa dịch vụ, hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng không.

Từ ngày 14/12/2011 đến ngày 30/12/2012, thông qua H, Nguyễn Thị T đã nhiều lần liên hệ mua hóa đơn không của Công ty HL VP cho Công ty V. Tổng số Công ty V do Đỗ Huy C làm Giám đốc đã mua 27 hóa đơn GTGT ghi không hàng

hóa dịch vụ của Công ty HL VP. Tổng số các mặt hàng ghi trong 27 hóa đơn GTGT không nêu trên là: 4.175m³ cát các loại; 1.047m³ đá các loại; 522m³ cây chống cốt pha; thuê xe ô tô vận chuyển, thuê 355 ca máy ủi, máy xúc. Tổng số tiền thanh toán ghi trên 27 hóa đơn là: 2.746.824.828đ, trong đó tổng tiền hàng là: 2.497.113.480đ, tổng tiền thuế GTGT là: 249.711.348đ. Tổng số tiền mua hóa đơn là: 2.497.113.480đ x 10% = 249.711.348đ đã được Nguyễn Thị T thanh toán nhiều lần cho H bằng tiền mặt sau đó H đưa lại đủ số tiền này cho T2.

Để hợp thức cho việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT nêu trên và tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng (theo quy định của Bộ Tài chính giao dịch mua bán hàng hóa có giá trị trên 20.000.000đ phải thanh toán thông qua chuyển khoản ngân hàng), Đỗ Huy C ký 06 Ủy nhiệm chi của Công ty V chuyển tổng số tiền 2.022.874.028đ từ tài khoản của Công ty V đến tài khoản của Công ty HL VP sau đó Nguyễn Hữu T2 ký 06 séc rút tiền của Công ty HL VP rút số tiền này ra trả lại cho Công ty V. Như vậy, Công ty V và Công ty HL VP mới chỉ hợp thức chuyển khoản qua ngân hàng được số tiền: 2.022.874.028đ, số tiền cần hợp thức chuyển khoản (06 hóa đơn) là: 2.398.674.828đ, số tiền Công ty V và Công ty HL VP chưa hợp thức chuyển khoản là: 375.799.900đ (2.398.674.828đ - 2.022.874.028đ).

Sau khi mua 27 hóa đơn GTGT của Công ty HL VP, Đỗ Huy C đưa 27 hóa đơn GTGT này kèm theo hợp đồng kinh tế và biên bản thanh lý hợp đồng cho chị Trần Thị H - Kế toán Công ty V và chỉ đạo chị H kê khai quyết toán thuế toàn bộ 27 số hóa đơn này cho Công ty V. Căn cứ vào hóa đơn và các chứng từ kèm theo, chị H đã kê khai quyết toán thuế 27 số hóa đơn GTGT nêu trên vào các kỳ kê khai thuế tháng 12/2011, tháng 3/2012, 5/2012, 6/2012, 11/2012 và tháng 12/2012 với tổng số tiền thanh toán ghi trên 27 hóa đơn là: 2.746.824.828đ, trong đó tổng tiền hàng là: 2.497.113.480đ, tổng tiền thuế GTGT được khấu trừ là: 249.711.348đ.

Ngày 14/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định số 355 trưng cầu giám định viên Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc giám định, xác định hành vi vi phạm của Đỗ Huy C và những người liên quan. Ngày 21/8/2017 Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc có kết luận giám định số 07/GĐTP, kết luận:

- 27 hoá đơn GTGT của Công ty TNHH xây dựng và thương mại HL VP không có giao dịch hàng hoá, dịch vụ. Công ty TNHH xây dựng V đã sử dụng kê khai quyết toán thuế là sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

- Đỗ Huy C - Giám đốc Công ty TNHH xây dựng V mua 27 tờ hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa dịch vụ của Công ty TNHH xây dựng và thương mại HL VP để hợp thức hàng hóa dịch vụ đầu vào và kê khai quyết toán với cơ quan thuế là hành vi trốn thuế, số tiền trốn thuế là: 249.711.348đ.

Quá trình điều tra Đỗ Huy C đã thừa nhận mua trái phép 27 hóa đơn GTGT của Công ty HL VP với mục đích hợp thức sổ cát, đá, cốt pha và thuê xe ô tô vận chuyển, máy xúc, máy ủi mà Công ty V đã mua của một số cá nhân không có hóa đơn chứng từ trong quá trình thi công các công trình của Công ty V. Sau đó, Cạn sử dụng 27 hóa đơn này kê khai quyết toán thuế với nhà nước, trốn nộp số tiền thuế GTGT là: 249.711.348đ. Quá trình liên hệ, giao dịch mua hóa đơn, Cạn nhờ vợ là Nguyễn Thị T thực hiện, Cạn nói với T1 là mua hóa đơn GTGT để phục vụ thi công các công trình mà Công ty V đang thi công, Cạn không nói với T1 việc mua hóa đơn để sử dụng kê khai quyết toán thuế với mục đích trốn nộp thuế. Ngoài T1 ra không có nhân viên hay thành viên góp vốn nào của Công ty V biết và tham gia vào việc mua bán hóa đơn của Công ty V. Sau khi bị Cơ quan điều tra phát hiện và tiến hành điều tra, ngày 13/10/2017, Đỗ Huy C đã tự kê khai điều chỉnh giảm toàn bộ 27 số hóa đơn GTGT nêu trên tại Cục T tính Vĩnh Phúc với số tiền thuế GTGT điều chỉnh giảm là 249.711.348đ để khắc phục hậu quả.

Trong vụ án còn có một số người liên quan nhưng đã được điều tra xử lý bằng vụ án khác như:

Đối với anh Nguyễn Hữu T2 là Giám đốc Công ty HL VP khai nhận: Từ trước đến nay, Công ty HL VP không mua bán hàng hóa dịch vụ gì với Công ty V mà anh T2 chỉ bán 27 hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa dịch vụ cho Công ty V thông qua người phụ nữ tên là H ở Vĩnh Yên (T2 không biết địa chỉ cụ thể của H) với giá 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Tổng số tiền thanh toán ghi trên 27 hóa đơn là: 2.746.824.828đ, trong đó tổng tiền hàng là: 2.497.113.480đ, tổng tiền thuế GTGT là: 249.711.348đ. Tổng số tiền bán hóa đơn (10%) là: 249.711.348đ anh T2 nhận từ H bằng tiền mặt. Để hợp thức việc mua bán hóa đơn GTGT không giữa hai Công ty, anh T2 ký tên đóng dấu vào các hợp đồng khống, biên bản thanh lý hợp đồng khống do chị H đưa; ký 06 tờ séc rút tiền của Công ty HL VP để sử dụng hợp thức hóa việc chuyển khoản giữa Công ty V và Công ty HL VP. Hành vi của anh T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép hóa đơn, nhưng ngoài việc bán hóa đơn cho Công ty TNHH xây dựng V, anh T2 còn bán hóa đơn cho nhiều cá nhân, doanh nghiệp khác trong và ngoài tỉnh. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can ngày 12/4/2018 đối với anh Nguyễn Hữu T2 về tội mua bán trái phép hóa đơn quy định tại khoản 2, Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đang tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

Đối với chị Nguyễn Lệ T3 (vợ của Nguyễn Hữu T2), khai nhận: Mặc dù biết Công ty HL VP bán hóa đơn cho Công ty V, nhưng do chị là vợ T2 nên giúp T2 viết 27 hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa dịch vụ của Công ty HL VP bán cho Công ty V. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của chị T3 với vai trò

đồng phạm được xử lý trong vụ án Nguyễn Hữu T2, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra để xử lý theo đúng quy định của pháp luật hình sự.

Đối với chị Nguyễn Thị T (là vợ của Đỗ Huy C), khai nhận: Cuối năm 2011, Cận nhờ chị mua hóa đơn GTGT ghi các mặt hàng là cát, đá, thuê xe ô tô vận chuyển, thuê máy công trình, cốt pha, cây chống để phục vụ các công trình mà Công ty V đang thi công. Mặc dù, chị T1 không phải là thành viên góp vốn hay nhân viên của Công ty V, tuy nhiên vì Cận là chồng nên chị T1 đồng ý mua hóa đơn giúp Cận. Sau đó, chị T1 liên hệ với người phụ nữ tên H để mua 27 hóa đơn GTGT của Công ty HL VP cho Công ty V với tổng số tiền thanh toán ghi trên 27 hóa đơn là: 2.746.824.828đ, trong đó tổng tiền hàng là: 2.497.113.480đ, tổng tiền thuế GTGT là: 249.711.348đ. Số tiền mua hóa đơn (10%) là: 249.711.348đ chị T1 thanh toán cho H bằng tiền mặt. Để hợp thức việc mua bán hóa đơn giữa Công ty V và Công ty HL VP, T1 đã sử dụng 06 Ủy nhiệm chi của Công ty V do Cận đưa cùng với H đến Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (Phòng giao dịch Vĩnh Yên) chuyển tổng số tiền là 2.022.874.028đ từ tài khoản của Công ty V đến tài khoản của Công ty HL VP, sau đó H làm thủ tục rút số tiền này trả lại cho chị T1 để đem về trả lại cho Cận. Sau khi mua được 27 hóa đơn GTGT của Công ty HL VP chị T1 giao lại cho Cận kèm theo hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng không mà không biết Cận sử dụng 27 hóa đơn GTGT này như thế nào. Hành vi của chị T1 là mua hóa đơn giúp Cận nhưng không biết Cận sử dụng vào mục đích trốn thuế nên chị T1 không là đồng phạm với Cận về tội trốn thuế. Tuy nhiên vì nể chồng nên chị T1 mua hóa đơn giúp chồng chứ không phải mua để bán nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự về hành vi mua hóa đơn của chị T1 mà đề nghị xử lý chị T1 về hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hóa đơn.

Đối với chị Trần Thị H làm kế toán thuế cho Công ty V từ năm 2011 đến nay, khai nhận: Trong thời gian làm kế toán tại Công ty V, chị H được Đỗ Huy C giao nhiệm vụ làm kế toán kê khai thuế, lập tờ khai thuế GTGT và bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra rồi đem nộp cho Cục T tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H không tham gia vào hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa của Công ty V, không biết việc Công ty V mua hóa đơn GTGT của Công ty HL VP. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với Trần Thị H.

Đối với anh Phạm Văn H2, khai nhận: Đầu năm 2000, khi thành lập Công ty V, Đỗ Huy C mượn chứng minh nhân dân của H2 để đăng ký thành viên góp vốn. Do Phạm Văn H2 là cậu ruột của Cận nên H2 đã đưa chứng minh nhân dân của mình cho Cận. Tuy nhiên, anh H2 không tham gia vào bất cứ hoạt động kinh doanh gì của Công ty V, không biết và không tham gia gì vào việc Công ty V mua hóa đơn GTGT của Công ty HL VP. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với anh Phạm Văn H2.

Đối với chị Đỗ Thu H, làm nghề trông trẻ tại trường tư thục mầm non S, phường L, thành phố V khai nhận: Do có quen biết từ trước, cuối năm 2011, chị Nguyễn Thị T có hỏi H3 xem có biết ai bán hóa đơn GTGT hay không thì giới thiệu, nên H3 đã giới thiệu chị H làm nghề kế toán ở Vĩnh Yên (H3 không biết họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể của H) và cho chị T1 số điện thoại của H để T1 liên hệ mua hóa đơn. Sau đó, chị H3 không biết T1 có liên hệ với H để mua hóa đơn hay không. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với chị Đỗ Thu H.

Đối với người phụ nữ tên H ở thành phố Vĩnh Yên là người trung gian để Công ty V mua 27 hóa đơn của Công ty HL VP, H đã có hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ của H nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Về vật chứng vụ án: Ngày 13/10/2017, Đỗ Huy C đã tự kê khai điều chỉnh giảm toàn bộ 27 số hóa đơn GTGT nêu trên tại Cục T tỉnh Vĩnh Phúc với số tiền thuế GTGT điều chỉnh giảm là 249.711.348đ để khắc phục hậu quả.

Cáo trạng số: 33/CT-VKS-P3 ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc đã truy tố bị cáo Đỗ Huy C về tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Huy C phạm tội “Trốn thuế”; áp dụng khoản 1, Điều 161; điểm b, p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đỗ Huy C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Đỗ Huy C hoàn toàn đồng ý với tội danh và điều luật do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của bị cáo để xử phạt hình phạt thấp nhất do pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đỗ Huy C đã khai rõ toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo Đỗ Huy C hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ như các hóa đơn, chứng từ, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Trong thời gian từ năm 2011 đến cuối năm 2012, Đỗ Huy C là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng V nhận thầu thi công ba công trình gồm: Công trình Trường THCS T; Công trình hồ D; Công trình Hồ Đ do UBND các xã T, L và Đ làm chủ đầu tư. Đỗ Huy C đã mua cát, đá, gỗ, thuê xe ô tô, máy công trình của một số cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc không có Hóa đơn GTGT. Để hợp thức hóa đơn đầu vào kê khai với Cục T tỉnh Vĩnh Phúc khấu trừ số thuế GTGT cho số hàng hóa đã mua không có hóa đơn nêu trên, Đỗ Huy C nhờ vợ là Nguyễn Thị T thông qua H đã mua của Nguyễn Hữu T2 giám đốc Công ty HL VP 27 Hóa đơn GTGT ghi không số lượng là: 4.175m³ cát các loại; 1.047m³ đá các loại; 522m³ cây chống cốt pha; thuê xe ô tô vận chuyển, thuê 355 ca máy ủi, máy xúc với tổng số tiền thanh toán là 2.746.824.828đ, trong đó tổng tiền hàng là 2.497.113.480đ, tổng tiền thuế GTGT là 249.711.348đ và đã được Cục T tỉnh Vĩnh Phúc khấu trừ số thuế GTGT là 249.711.348đ. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 13/10/2017, Đỗ Huy C đã tự kê khai điều chỉnh giảm toàn bộ 27 số hóa đơn GTGT nêu trên tại Cục T tỉnh Vĩnh Phúc với số tiền thuế GTGT điều chỉnh giảm là: 249.711.348đ để khắc phục hậu quả.

Hành vi mua trái phép hóa đơn để hợp thức, kê khai quyết toán thuế nhằm mục đích tư lợi do bị cáo Đỗ Huy C thực hiện đã cấu thành tội “Trốn thuế” theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, số tiền thu lời bất chính thì hành vi của Đỗ Huy C đã phạm vào tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào trốn thuế với số tiền từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng.....thì bị phạt tiền từ một lần đến năm lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm”.

Hành vi của bị cáo Đỗ Huy C đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Do vậy cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình

tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị xử lý trước pháp luật; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi đã thực hiện; sau khi thực hiện tội phạm bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả do mình gây nên.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Huy C không bị áp dụng tính tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau khi cân nhắc, xem xét tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú theo dõi, giáo dục là phù hợp với hình phạt do điều luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc trốn thuế cần buộc bị cáo Đỗ Huy C phải nộp lại để hoàn trả ngân sách nhà nước là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, trước khi khởi tố vụ án bị cáo Đỗ Huy C đã tự kê khai, điều chỉnh giảm toàn bộ 27 số hóa đơn GTGT nêu trên tại Cục T tính Vĩnh Phúc số tiền 249.711.348đ để khắc phục hậu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Đỗ Huy C hiện nay nghề nghiệp không ổn định, đang phải điều trị bệnh nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt tiền và khấu trừ thu nhập là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Huy C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đỗ Huy C phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 1 Điều 161; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đỗ Huy C 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trốn thuế”, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành bản án. Giao bị cáo Đỗ Huy C cho UBND phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc theo dõi, giám sát và quản lý giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Huy C phải chịu 200.000đ.

Bị cáo, người đại diện của nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án dân sự, hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự; HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn